

ÔN TẬP VỀ VĂN HỌC

(Học kì I)

I – BÀI TẬP

A – VĂN HỌC VIỆT NAM

Các tri thức về văn học Việt Nam Học kì I bao gồm các tác gia, tác phẩm thuộc hai thời kì : thời kì trung đại và thời kì đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.

Các tri thức về văn học trung đại đã có bài ôn tập riêng ở Học kì I, vậy trọng tâm bài ôn tập này dành cho các tri thức văn học thời kì đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.

1. Vẽ sơ đồ quá trình phát triển của văn học trung đại Việt Nam ở hai giai đoạn cuối cùng (từ thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX và nửa cuối thế kỉ XIX), ghi tên các tác giả, tác phẩm đã học đúng vào vị trí lịch sử của chúng. Về các tác phẩm cần ghi rõ : văn học chữ Hán hay văn học chữ Nôm và thuộc thể loại nào.

Giai đoạn lịch sử	Tên tác gia, tác phẩm	Tác phẩm Hán hay Nôm	Thể loại của tác phẩm

2. Chọn phân tích một bài thơ và một bài văn nào đó trong chương trình Học kì I để minh hoạ cho sự vận động theo hướng dân tộc hoá và dân chủ hoá của văn học trung đại thế kỉ XVIII, XIX.

3. Nêu một cách khái quát những tư tưởng lớn của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện trong các tác phẩm. Vị trí lịch sử, giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* ?

4. Nêu và giải thích nguyên nhân hình thành ba đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam thời kì đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.

5. Thành tựu cơ bản về tư tưởng và nghệ thuật của văn học Việt Nam thời kì đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945. Hãy phân tích các tác phẩm "Vi hành" (Nguyễn Ái Quốc), *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam) và *Đời thừa* (Nam Cao) để chứng minh cho thành tựu trên.

6. Hãy nêu lên những nét đặc sắc chủ yếu của các truyện ngắn *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân), *Chí Phèo* (Nam Cao), *Tinh thần thể dục* (Nguyễn Công Hoan) về các phương diện : tư tưởng, tình huống truyện, cách xây dựng nhân vật và nghệ thuật trần thuật.

7. Tính chất giao thời của tiểu thuyết *Cha con nghĩa nặng* của Hồ Biểu Chánh.

8. Phân tích mâu thuẫn trào phúng và nghệ thuật xây dựng nhân vật trào phúng của Vũ Trọng Phụng trong đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia* (trích tiểu thuyết *Số đỏ*).

9. Phân tích mâu thuẫn bi kịch trong đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (trích tác phẩm *Vũ Như Tô*) của Nguyễn Huy Tưởng. Anh (chị) hiểu thế nào là vẻ đẹp hoành tráng của vở kịch qua đoạn trích trên ?

B – VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

10. Đặc điểm ngôn ngữ kịch qua đoạn trích *Tình yêu và thù hận* trong vở kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* của Sếch-xpia.

II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

A – VĂN HỌC VIỆT NAM

1. Mẫu sơ đồ :

Giai đoạn lịch sử	Tên tác gia, tác phẩm	Hán hay Nôm	Thể loại của tác phẩm
Từ thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX	<i>Vào phủ chúa Trịnh</i> (Lê Hữu Trác) <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> (Nguyễn Đình Chiểu)	Hán Nôm	Kí (<i>Thượng kinh kí sự</i>) Văn tế
Nửa cuối thế kỉ XIX	<i>Thương vợ</i> (Trần Tế Xương)	Nôm	Thất ngôn bát cú Đường luật

2. Có thể phân tích một bài văn – *Vào phủ chúa Trịnh* (trích *Thượng kinh kí sự*) của Lê Hữu Trác và một bài thơ – *Vịnh khoa thi Hương* của Trần Tế Xương.

– Bài *Vào phủ chúa Trịnh* : Thể hiện rất rõ ý thức cá nhân của tác giả qua cách quan sát và đánh giá bằng cặp mắt và quan điểm cá nhân về đời sống hiện thực hết sức xa hoa của tầng lớp quý tộc trong phủ chúa. Lời văn tuy rất khiêm tốn và cung kính nhưng ẩn giấu một thái độ phê phán đối với cách sống và quyền uy của giai cấp thống trị phong kiến thời Lê – Trịnh.

– Bài *Vịnh khoa thi Hương* : Trên tinh thần dân tộc, tác giả phơi bày thân phận thảm hại của kẻ sĩ dưới ách thực dân và kêu gọi trách nhiệm của "nhân tài" đối với đất nước. Ở tác phẩm này, thể thơ ngoại nhập (Đường luật) được Việt hoá hoàn toàn bằng những từ ngữ nôm na mà có sức diễn tả sắc sảo, đầy góc cạnh.

3. Nguyễn Đình Chiểu, dù viết về chủ đề đạo lí hay yêu nước chống xâm lược, cũng đều thấm nhuần tư tưởng thương dân, vì dân. *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* có thể xem là một áng văn kiệt tác chói lọi tinh thần yêu nước, thương dân, lòng căm thù giặc. Bài văn đã sáng tạo được hình tượng người nghĩa sĩ nông dân đầy khí phách anh hùng ngay trong dáng vẻ chất phác, lam lũ rất hiện thực của họ. Với hình tượng nhân vật này, tác phẩm xứng đáng được coi là một áng văn có giá trị đột xuất trong lịch sử văn học Việt Nam cuối thời kì trung đại.

4. Ba đặc điểm thuộc ba phương diện của thời kì văn học

a) Về diện mạo : Nền văn học được hiện đại hoá.

Nguyên nhân : Sự ra đời của các đô thị tư bản chủ nghĩa với các tầng lớp xã hội mới và ảnh hưởng của tư tưởng, văn hoá phương Tây hiện đại.

b) Về tốc độ : Tốc độ phát triển rất mau lẹ.

Nguyên nhân : Sức sống văn hoá của dân tộc được giải phóng, sự cổ vũ của phong trào yêu nước và cách mạng, vai trò của tầng lớp trí thức Tây học : dồn lòng yêu nước vào việc xây dựng nền văn học hiện đại của dân tộc bằng tiếng mẹ đẻ.

c) Về cấu trúc : Gồm nhiều bộ phận, nhiều xu hướng tư tưởng và thẩm mỹ khác nhau.

Nguyên nhân : Sự phân hoá xã hội về chính trị, tư tưởng, về xu hướng thẩm mỹ do sự thức tỉnh của ý thức cá nhân và phản ứng khác nhau trước cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và chủ nghĩa thực dân.

5. Thành tựu cơ bản của thời kì văn học

– Về tư tưởng : Phát huy truyền thống yêu nước, nhân đạo, anh hùng trên tinh thần dân chủ.

– Về nghệ thuật : Hiện đại hoá các thể loại, du nhập một số thể loại mới.

Hai tác phẩm "*Vi hành*" và "*Hai đứa trẻ*" chỉ có thể chứng minh được phần nào thành tựu của văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.

– "*Vi hành*" : Thể hiện tinh thần yêu nước trên lập trường của giai cấp vô sản cách mạng. Một truyện ngắn hiện đại (phân tích, chứng minh).

– "*Hai đứa trẻ*" : Tinh thần nhân đạo thể hiện ở sự đồng cảm với cuộc sống buồn chán, tối tăm của những con người bé nhỏ vô danh trong xã hội. Một truyện ngắn hiện đại (phân tích, chứng minh).

– *Đời thừa* : Tác phẩm là một tấn bi kịch nội tâm của nhân vật văn sĩ Hộ, gồm hai mâu thuẫn : một là mâu thuẫn giữa khát vọng lớn với thực tế cuộc sống nghèo túng (Nam Cao gọi là "áo cơm ghì sát đất") ; hai là mâu thuẫn giữa lòng nhân ái cao cả, được coi là một lẽ sống, với hành vi thô bạo đối với người vợ đáng thương, nghĩa là vi phạm chính vào lẽ sống của mình.

Tác phẩm còn là một bản tuyên ngôn về quan điểm nghệ thuật rất tiến bộ của Nam Cao.

6. Những nét đặc sắc chủ yếu của các tác phẩm

– *Chữ người tử tù* : Ca ngợi tài hoa, khí phách, thiên lương ; đặt nhân vật vốn tri âm tri kỉ vào tình thế thù địch, dùng thủ pháp đối lập, gây ấn tượng mạnh mẽ, tạo không khí "vang bóng một thời".

– *Chí Phèo* : Lên án xã hội thực dân phong kiến đã tước đoạt cả nhân tính lẫn nhân hình của người dân lao động ; đặt nhân vật trong tình thế tha hoá, không thể trở về cuộc sống lương thiện được, sáng tạo nhân vật điển hình xuất sắc ; trần thuật linh hoạt theo quan điểm nhân vật, độc thoại nội tâm,...

– *Tinh thần thể dục* : Phê phán chính sách văn hoá giả dối của thực dân ; tạo tình huống trào phúng xung quanh mâu thuẫn giữa mục đích bề ngoài tốt đẹp với thực chất là một tai hoạ đối với người dân nghèo ; nghệ thuật trần thuật hấp dẫn : phóng đại mâu thuẫn trào phúng ; dùng thủ pháp giễu nhại.

7. Giao thời có nghĩa là yếu tố hiện đại và yếu tố trung đại xen lẫn. Tiểu thuyết *Cha con nghĩa nặng*, về căn bản đã có tính hiện đại : tả thực sinh động, sáng tạo nhân vật khá chân thực, có màu sắc Nam Bộ, đưa ngôn ngữ của đời sống vào văn chương,...

Tuy vậy, tác phẩm vẫn có nhiều yếu tố của tiểu thuyết truyền thống như kết cấu chương hồi, kết thúc có hậu,...

8. Đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia* : Sáng tạo được hàng loạt nhân vật trào phúng, mỗi người một vẻ bằng cách bắt lấy những nét hài hước nào đấy và tô đậm lên. Mỗi thành viên trong gia đình lại có một "hạnh phúc" riêng hoà vào "hạnh phúc" chung của một tang gia (tìm dẫn chứng minh hoạ).

9. Đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* : Bộc lộ đến mức gay gắt hai mâu thuẫn của vở kịch : 1. Mâu thuẫn giữa nhu cầu hưởng lạc vô độ của bạo chúa Lê Tương Dực với đời sống nhân dân bị bóc lột tàn nhẫn. 2. Mâu thuẫn giữa khát vọng nghệ thuật chính đáng của Vũ Như Tô muốn xây dựng cho đất nước một công trình kiến trúc vĩ đại với đời sống nghèo khổ của nhân dân.

Nguyễn Huy Tưởng dù viết kịch hay viết tiểu thuyết thường có cảm hứng về lịch sử với vẻ đẹp hoành tráng : đề cập đến những sự kiện lớn liên quan đến sự sống còn của đất nước ; huy động lên sân khấu một số lượng nhân vật đông đúc, tạo nên những cảnh tượng có quy mô hoành tráng,...

B – VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

10. Đọc kĩ phần *Tri thức đọc - hiểu* về tính ước lệ của ngôn ngữ kịch và bài *Đọc kịch bản văn học* để vận dụng vào việc giải bài tập. Chú ý các đặc điểm sau đây của ngôn ngữ kịch :

- Tính ước lệ
- Bộc lộ rõ tính cách, tâm hồn nhân vật
- Hàm chứa ẩn ý sâu xa và gây ấn tượng mạnh mẽ
- Mang tính hành động, khắc sâu và phát triển mâu thuẫn kịch
- Diễn tả tình cảm, cảm xúc căng thẳng, khác lời nói thường
- Nhiều khi có tính triết lí thâm trầm, v.v.

Khi giải bài tập, tránh vận dụng lí thuyết một cách máy móc.